TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 529/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 237/4 ND, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 579/44 PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Bùi Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Mai L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Bùi Văn N trình bày: Ông và Bà Nguyễn Thị Mai L tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 06/10/1998.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhều lần cố gắng hoà giải nhưng không thành nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2015 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Mai L.

Về con chung: Ông và Bà Nguyễn Thị Mai L có hai con chung tên Bùi Nhã T, sinh ngày 16/9/2001 và Bùi Phúc T, sinh ngày 11/10/2004. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu Bà Nguyễn Thị Mai L cấp dưỡng

nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Mai L mặc dù được được Tòa án triệu tập hợp lệ để tự khai, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Văn N được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Mai L. Về con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Nhã T, sinh ngày 16/9/2001 và Bùi Phúc T, sinh ngày 11/10/2004 cho Ông Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận yêu cầu của Ông Bùi Văn N không yêu cầu Bà Nguyễn Thị Mai L cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Ông Bùi Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010708 ngày 08/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tự khai, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn N và Bà Nguyễn Thị Mai L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 06/10/1998 do Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Nhưng theo lời khai của Ông Bùi Văn N thì trong quá trình chung sống ông và Bà Nguyễn Thị Mai L thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay Ông Bùi Văn N và Bà Nguyễn Thị Mai L không còn chung sống với nhau nữa.

Phía Bà Nguyễn Thị Mai L mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đến Tòa án tự khai, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do vậy yêu cầu của Ông Bùi Văn N xin ly hôn với Bà Nguyễn Thị Mai L là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông Bùi Văn N và Bà Nguyễn Thị Mai L có 02 con chung tên Bùi Nhã T, sinh ngày 16/9/2001 và Bùi Phúc T, sinh ngày 11/10/2004. Ông Bùi Văn N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Bùi Nhã T và Bùi Phúc T ghi nguyện vọng là nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu muốn được sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ông Bùi Văn N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Văn N khai không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Bùi Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Bùi Văn N đối với Bà Nguyễn Thị Mai L. Ông Bùi Văn N được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Mai L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Nhã T, sinh ngày 16/9/2001 và Bùi Phúc T, sinh ngày 11/10/2004 cho Ông Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận yêu cầu của Ông Bùi Văn N không yêu cầu Bà Nguyễn Thị Mai L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 06/10/1998 do Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010708 ngày 08/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Văn N đã nộp đủ án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường O, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Bình Minh